

# GIẢI THÍCH LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA

## QUYỂN 6

### A. NHẬP NÊN BIẾT THẮNG TƯỚNG, THẮNG NGŨ

**Luận nói:** Như vậy đã nói tướng nên biết, đi vào sự nhận biết làm sao thấy được? Sự huân tập đa văn làm y chỉ không phải sự thâm giữ của thức A-lê-da. Như A-lê-da thành chủng tử thì sự thâm giữ của chánh tư duy là sự sinh của tợ pháp và tợ nghĩa, có ý muốn nói tợ vật đối tượng nắm giữ và hữu kiến.

**Giải thích:** Những tướng nên biết như vậy, như phải được nhập thì hiển thị được nhập này cho nên nhập tướng nên biết. Huân tập đa văn làm y chỉ, là thân đã huân tập pháp Đại thừa. Không phải sự nắm giữ của A-lê-da, là vì đối trị thức A-lê-da. Như thức A-lê-da thành chủng tử, là giống như thức A-lê-da làm nhân của nhiễm pháp, thức A-lê-da làm nhân của tịnh pháp cũng vậy. Chỗ nắm giữ của chánh tư duy, là tự tánh của chánh tư duy. Chỗ sinh của tợ pháp tợ nghĩa, là làm tướng của pháp nghĩa mà sinh. Tợ sở thủ vật, là như thể của sắc. Hữu kiến, nghĩa là cũng tương tợ thể của kiến, tức là thành lập hai thức là tướng và kiến.

**Luận nói:** Trong đó ai là chủ thể nhập tướng nên biết? Là Đại thừa đa văn huân tập tương tục rồi, được thân cận vô lượng chư Phật xuất thế, hoàn toàn tin hiểu khéo tập hợp thiện căn, là Bồ-tát khéo đầy đủ tư lương phước và trí.

**Giải thích:** Người nào có thể nhập tướng nên biết? Trong tướng loại như vậy, nếu vào hết thủy phương tiện, nay phải hiển thị: Đã huân tập đa văn Đại thừa, là đã lia đa văn của Thanh-văn thừa. Được thân cận vô lượng chư Phật xuất thế, là vượt hơn số lượng trải qua số kiếp chư Phật xuất thế mà đều được thân cận hiện tiền. Hoàn toàn tin hiểu, là tin hiểu quyết định trong Đại thừa, không bị ác tri thức phá hư, tức là tin hiểu này như đã nói trong ba nhân duyên kể trên. Khéo tập hợp thiện căn cho nên gọi là Bồ-tát khéo tập hợp tư lương phước trí. Lại nữa, tư lương phước trí tại sao được lần lượt đầy đủ? Là do sức mạnh của nhân

lực, thiện hữu, tư duy và y trì, trong đó hai câu trước làm hai sức, như số của nó phải biết sức mạnh chánh tư duy là hoàn toàn tin hiểu. Đây là lấy Đại thừa huân tập làm nhân, hoàn toàn tin hiểu tức là tu hành chánh hạnh, do tu hành chánh hạnh cho nên được tụ tập thiện căn. Do chánh tư duy lực này cho nên được khéo đầy đủ tư lương phước trí. Có sự tuần tự này là do tròn đủ tư lương phước trí này cho nên được nhập Sơ địa của Bồ-tát, đây là sức mạnh y trì.

**Luận nói:** Nhập nơi đâu thì liền ở đó có kiến tợ pháp và nghĩa ý ngôn, là trong pháp tướng Đại thừa đã sinh.

**Giải thích:** Nhập tướng như vậy, là nhập hạnh tướng, nay sẽ hiển thị: Ý địa phân biệt gọi là ý ngôn. Chủng loại của ý ngôn này lấy pháp Đại thừa làm nhân để sinh. Pháp tướng Đại thừa, đã sinh là pháp phân duyên đã nói.

**Luận nói:** Trong tin hiểu hạnh địa, trong kiến đạo, trong tu đạo, trong cứu cánh đạo, tất cả pháp Duy thức tùy theo văn (nghe) mà tin hiểu, vì thông đạt như lý, vì đối trị tất cả chướng ngại, vì không chướng ngại.

**Giải thích:** Chỗ nào được nhập thì trong tin hiểu địa được nhập. Do chỉ có nghe. Tất cả pháp chỉ do thức thì liền khởi tin hiểu tăng thượng gọi là được nhập, trong kiến đạo được nhập, nay sẽ hiển thị: Thông đạt như lý nghĩa là trong ý ngôn phân biệt mà thông đạt như lý. Thế nào là thông đạt như lý? Phi pháp, phi nghĩa, không chủ thể nắm giữ, không đối tượng nắm giữ, nếu như vậy gọi là thông đạt ý ngôn phân biệt. Trong tu đạo được nhập, nay sẽ hiển thị: Đối trị tất cả chướng, là khi quán ý ngôn này là phi pháp, phi nghĩa, không chủ thể nắm giữ, không đối tượng nắm giữ, thì có khả năng đối trị tất cả chướng, đây gọi là được nhập trong tu đạo. Trong được nhập cứu cánh đạo, nay sẽ hiển thị: Vì vô chướng ngại, là vì trụ trí xứ tối thanh tịnh, tối vi tế chướng diệt, gọi là được nhập trong cứu cánh đạo.

**Luận nói:** Duyên gì được nhập thiện căn lực trì? Vì ba thứ tâm luyện trị diệt trừ bốn xứ, pháp nghĩa làm sở duyên, Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na thường tu chánh tu không có phóng dật... Trong vô lượng thế giới, vô lượng nhân đạo chúng sinh, sát-na sát-na chánh giác A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề. Đó là luyện trị tâm thứ nhất.

**Giải thích:** Duyên gì được nhập? Như đã nói thiện căn lực trì có tám xứ tương ưng. Trong đó nếu thường tu, là tất cả thời thường khởi làm. Thiện tu, là cung kính khởi làm. Nếu khởi làm các tướng loại như vậy tức là không phóng dật. Trong đó đối trị ba thứ tâm thối lui, có ba

thứ tâm luyện trị. Bồ-tát nghe A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề, sâu xa rộng lớn đệ nhất là khó có thể chứng đắc thì liền sinh tâm thối lui, để đối trị tâm này thì có tâm luyện trị thứ nhất v.v... Lại nữa, vân vân (v.v...) cho nên có tâm luyện trị thứ hai.

**Luận nói:** Do chuyên tâm cho nên có khả năng hành các Ba-la-mật như bố thí v.v... Ta đã đắc chuyên tâm này, do đây cho nên ta tu các Ba-la-mật sẽ được viên mãn, không đủ gây khó khăn. Đó là tâm luyện trị thứ hai.

**Giải thích:** Do ý này cho nên thí Ba-la-mật liền được hành, ý trong đó là tin và muốn. Bồ-tát trong Ba-la-mật tin biết thật có cho nên công đức có thể đắc, đây là tín của Bồ-tát. Do tin cho nên ưa thích tu hành gọi là dục. Bồ-tát đắc tin muốn ý này, tu hành Ba-la-mật tiến đến viên mãn không lấy làm khó.

**Luận nói:** Tuy hữu ngại thiện kia là thiện pháp cụ túc, rồi thì khi chết thì tùy điều nhớ nghĩ, muốn tất cả thân đầy đủ, lúc đó được sinh. Hướng ta tối thắng thiện và vô ngại thiện này đầy đủ trong lúc đó tất cả làm sao mà không đắc? Đó gọi là tâm luyện trị thứ ba. Trong đây có kệ:

*Ở tại trong cõi người  
Vô lượng các chúng sinh  
Niệm niệm đắc Bồ-đề  
Vì trừ tâm thối thất.  
Người thiện tâm chuyên ý  
Có thể hành bố thí...  
Người cao đắc ý này  
Cũng hành các bố thí...  
Thiện nhân trong khi chết  
Tùy tâm được quả báo  
Đã có diệt ngôi thiện  
Quả báo tại sao không?*

**Giải thích:** Lại nữa, Bồ-tát đối với ngôn giáo rộng lớn sâu xa của chư Phật, khi khởi suy tâm thì khởi suy nghĩ, A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề khó có thể chứng đắc, một sát-na tâm đã dứt thì liền sinh thối chuyển. Để đối trị điều này nên phải tu tâm luyện trị thứ ba. Hướng gì tối thắng thiện này của ta, là hướng chi ta ở trong tất cả thập địa này, khéo đầy đủ tư lương phước trí. Vô chướng ngại thiện, là tâm phiền não vi tế khó phá, như kim cương Tam-ma-đề thì có thể phá chướng này. Sau Tam-ma-đề này thì có thể ra khỏi tất cả chướng ngại, y chỉ đã

chuyển, đối với chương ngại này tại sao không đắc? Đây là hiển bày sự xuất ly chương ngại cùng với chết không khác nhau. Tất cả tròn đủ là đắc nhất thiết chủng trí, nhờ sức mạnh của thiện căn chống đỡ. Ba thứ luyện trị tâm là: thiện căn không mỏng ít, Bồ-tát do có lực này thì có thể được ba loại tâm luyện khiến cho không thối thất. Trong đó tâm luyện trị thứ ba thì như chỗ luyện trị, nay sẽ hiển thị: Do niệm này cho nên lia các chương ngại. Chương Ba-la-mật xan không có, nên tròn đủ Ba-la-mật không lấy làm khó. Do tròn đủ này cho nên được thành Bồ-đề. Tâm luyện trị thứ ba, nay sẽ hiển bày: Trong đó, hữu ngại thiện là thiện thế gian gọi là hữu ngại thiện. Ta không có ngại thiện này, thiện này không được thành Phật là không có chuyện đó. Nghĩa này lấy kệ hiển bày. Kệ nói vì trừ tâm thối thất, là không cho tâm hèn mòn đáng chết, nó cho rằng ta không thể đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề. Thiện tâm, là không phải ác tâm và vô ký tâm. Do có vô ký thí như người có tâm tán mạn hành bố thí, là vì ngoại đạo không có thiện tâm hành bố thí. Lại nữa, người cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề, thì thiện này là tối thắng được ý này. Cũng có thể hành bố thí, là trong đó khi đắc chuyên tâm thì có tướng như vậy, có thể tu Lục Ba-la-mật: Thí... là được diệt trừ tâm chương ngại: Xan tham. Người cao vượt là bậc tối thượng, là chư Phật Bồ-tát. Thí... là nắm giữ giới và trí Ba-la-mật. Tùy tâm đắc quả báo, cho đến quả báo Phi tướng phi phi tướng xứ. Diệt thiện là diệt chương ngại. Quả báo tại sao không có? Đây là đắc Phật thân.

**Luận nói:** Xa lìa tư duy của Thanh-văn, Phật-bích-chi, nên tư duy liền diệt mất. Tất cả nghi và không nghi trong Đại thừa, thì tà ý và nghi liền diệt mất. Trong pháp của văn và tư, lìa ngã chấp và ngã sở chấp thì pháp chấp diệt mất, hiện tiền trú an lập tất cả tướng vì tư duy không phân biệt thì liền diệt mất phân biệt. Trong đây có kệ:

*An lập và tự tại  
Hiện tiền tất cả tướng Tất  
cả không phân biệt Người  
trí đắc Thắng giác.*

**Giải thích:** Trong luận này vì hiển bày Tứ xứ diệt, trong đó diệt tư duy nghĩa là diệt tư duy của Thanh-văn. Tà ý và nghi diệt mất, là trong pháp rộng lớn sâu xa của Đại thừa, tà ý và nghi phải diệt trừ. Tà ý là ý phỉ báng ganh ghét và tâm dao động. Hoặc, là tâm nghi ngờ. Tất cả nghi và không nghi, là trong Đại thừa này vì an lập pháp tướng mà nói có tam tướng, gọi là tất cả pháp vô tánh, vô sinh, vô diệt, xưa nay tĩn tịch tự tánh Niết-bàn. Tất cả pháp như vậy vô sở hữu môn, thì đây là ngay trên

tánh phân biệt. Nếu nói huyễn, diễm, mộng, quang ảnh, tượng, hưởng, thủy nguyệt, biến hóa, là ngay trên tánh y tha. Nếu nói chân như, thật tế, vô tướng, đệ nhất nghĩa, pháp giới, không môn... thì đây là nương trên tánh thành tựu. Trong các pháp này, tất cả tà ý và hoặc không sinh. Trong pháp văn và tư lìa ngã chấp và ngã sở chấp, là trong đây hiển thị trừ diệt pháp chấp. Diệt trừ pháp chấp, là trong pháp hoặc văn hoặc tư, cho đến không khiến cho ngã và ngã sở được nhập. Hiện tiền trụ an lập tất cả tướng tư duy không phân biệt, là hành giả khi tu trí vô phân biệt, tại chánh tư duy vị, đã diệt tất cả những tịch tĩnh tâm phân biệt này, đối với sắc và tĩnh tâm hiện tiền trụ tất cả an lập cốt tởa... Trong tất cả tướng sở duyên này, khi không niệm không phân biệt thì gọi là nhập phương tiện vô phân biệt, nếu phân biệt thì không được nhập. Hiện tiền an lập kệ này, nghĩa là hiển bày nghĩa tối hậu của diệt.

**Luận nói:** Do cái gì nhập vì sao nhập? Chỗ sinh của văn huân tập là chỗ thâm giữ của chánh tư duy, tợ pháp và nghĩa hiển hiện hữu kiến ý ngôn.

**Giải thích:** Trong đây hiển thị pháp nào nhập thì giống như pháp đó nhập, trong đó chỗ sinh của văn huân tập, thì văn huân tập làm nhân, tức là đạo lý của nhập này như đã nói trước, tức là chỗ sinh văn huân tập của Đại thừa, phải biết là chỗ nắm giữ của tánh thành tựu.

**Luận nói:** Có bốn thứ cầu là danh, nghĩa, tợ tánh và sai biệt, tạm nói là tướng cầu.

**Giải thích:** Trong đây vì hiển thị nhập như vậy, bốn thứ cầu là như luận này đã nói, đó là danh, nghĩa, tợ tánh và sai biệt.

**Luận nói:** Lại có bốn thứ biết như thật, đó là danh, sự, tợ tánh và sai biệt. Biết như thật trong thuyết giả tướng, thì tợ tánh và sai biệt kia bất khả đắc. Bồ-tát như thật như vậy để nhập ý ngôn Duy thức nên tu hành. Trong ý ngôn tương tợ tợ nghĩa đó, biết danh tợ đó chỉ là ý ngôn, biết chỗ nương nghĩa của danh đó cũng chỉ có ý ngôn, tức là biết danh tợ tánh kia và sai biệt chỉ là thuyết giả tướng, lúc chứng đắc chỉ có ý ngôn, thì trong danh, nghĩa, tợ tánh, sai biệt và thuyết giả tướng không thấy nghĩa tướng hữu tánh sai biệt. Cho nên do bốn thứ cầu và bốn biết thứ như thật trong ý ngôn của tợ danh và nghĩa kia mà được nhập Duy thức.

**Giải thích:** Bốn loại như thật, như trong Luận nói danh, sự, tợ tánh và sai biệt như thật tri trong giả tướng thuyết. Tợ tánh và sai biệt của nó, mỗi thứ đều có tợ tánh sai biệt, vì khởi giả thuyết như vậy. Danh, tợ tánh, sai biệt và giả thuyết, nghĩa bất khả đắc, tức là biết danh, tợ tánh

và sai biệt kia chỉ là giả thuyết, nghĩa là dùng danh tự kia không có tự tánh và sai biệt, tức là có thể trong danh tự tự tánh và sai biệt kia chỉ là giả thuyết mà nhẩn tho. Nếu biết như vậy gọi là cầu, hoặc biết bất khả đắc gọi là như thật tri.

**Luận nói:** Duy thức quán này nhập pháp nào? Tự pháp nào mà nhập thì gọi là nhập duy lượng. Tướng và kiến là hai, vì mọi thứ tướng. Danh nghĩa là tự tánh và sai biệt chỉ là giả lập, vì sáu loại sự vô sự của tự tánh, sai biệt, làm thể của chủ thể nắm giữ và đối tượng nắm giữ mà trụ, cùng lúc tự mọi thứ tướng mà sự sinh khởi, như trong tối, sợi dây (thằng) tự con rắn (xà). Ví như rắn trong sợi dây là vọng vì không có. Nếu thấy thật nghĩa thì không có vọng. Cái biết về rắn diệt, còn lại cái biết sợi dây. Nếu phân tích kỹ thì sợi dây cũng không thật, vì tướng của sắc hương vị xúc, trong đó những trí y chỉ sắc... cái biết sợi dây cũng đắc. Trừ diệt như vậy như vậy, sáu thứ tướng ý ngôn của các tự danh tự và tự nghĩa kia như cái biết rắn, vì biết sáu thứ tướng kia không có thật nghĩa, Duy thức trí này cũng phải trừ diệt, vì do thành tựu tánh trí.

**Giải thích:** Trong đây hỏi pháp sở nhập và nhập thí dụ. Duy lượng là duy thức lượng. Hữu tướng và kiến là hai, đây là hiển bằng hai thức là tướng và kiến. Vì tự tướng này hiển hiện làm nhân, làm trụ xứ, làm tướng, làm ảnh hiển hiện, chỉ là một thức sinh mà mọi thứ tướng sinh, không phải nhanh chóng lần lượt mà sinh. Ba loại như vậy được nhập Duy thức, cùng lúc tự mọi thứ tướng nghĩa sinh, là tự mọi thứ nghĩa của danh thân, cú thân và vị thân (味身) mà sinh, mọi thứ tướng nghĩa kia cũng là tự mọi thứ tướng của nghĩa y danh sở mục mà sinh, trong đó nhập ba tánh quán lấy thí dụ sợi dây để chỉ rõ. Tự tại trong sáu thứ nghĩa, là tự tại nói năng trong sáu thứ nghĩa của danh, vì tự tại là trừ diệt.

**Luận nói:** Bồ-tát này nhập ý ngôn của tự nghĩa tướng như vậy, thì được nhập tánh phân biệt, vì nhập Duy thức cho nên được nhập tánh y tha. Thế nào là nhập thành tựu tánh? Nếu diệt lìa Duy thức tướng, thì ý ngôn do văn (nghe) pháp huân tập kia mà sinh. Lúc Bồ-tát diệt lìa nghĩa tướng, thì tự nhất thiết nghĩa không có chỗ sinh, cho nên tự Duy thức hiển hiện cũng không được sinh, tức là trụ không phân biệt trong tất cả nghĩa danh, chánh chứng pháp giới tương ứng mà trụ. Lúc đó Bồ-tát đối với năng duyên và sở duyên đều bình đẳng, và trí vô phân biệt bình đẳng sinh, tức là Bồ-tát nhập thành tựu tánh.

**Giải thích:** Nhập ý ngôn của tự nghĩa tướng, là tất cả nghĩa duy là phân biệt, như vậy tức là nhập tánh phân biệt. Nhập Duy thức là ý ngôn

này do Duy thức nắm giữ, cho nên được nhập tánh y tha. Tợ nhất thiết nghĩa không có chỗ sinh, là không có tợ nghĩa sinh chủng loại, thì chủng loại của Duy thức cũng không được sinh. Tại sao? Nếu khi khởi Duy thức phân biệt thì thành nghĩa, sau đó được chứng chân như. Chân như này bất khả thuyết, chỉ tự biết trong lòng, lúc đó chủ thể nắm giữ và đối tượng nắm giữ của Bồ-tát bình đẳng. Trí vô phân biệt bình đẳng sinh, là thể của hai pháp năng duyên trí và sở duyên chân như, bình đẳng cũng như hư không, là không có thể của chủ thể nắm giữ và đối tượng nắm giữ mà trụ, vì không phân biệt chủ thể nắm giữ và đối tượng nắm giữ, cho nên gọi là không có phân biệt, tức là được nhập tánh thành tựu. Đã nói trụ vô phân biệt trong tất cả nghĩa danh, thì có danh gì và có bao nhiêu thứ? Danh sai biệt này trong kệ hiển thị.

**Luận nói:** Trong đây có kệ:

*Pháp nhân và pháp nghĩa  
Tánh hoặc rộng hoặc lược  
Bất tịnh, tịnh cứu cánh  
Gọi là cảnh sai biệt.*

**Giải thích:** Trong đó pháp, danh, nghĩa là sắc, thọ và nhãn như vậy. Tên người là pháp Phật ái và tín hạnh pháp hành... như vậy. Lại có pháp gọi là Tu-đa-la, nghĩa danh nghĩa là chỉ hiển bày nghĩa nương vào pháp. Tổng danh là như nói chúng sinh, biệt danh là như chúng sinh kia ai nấy đều có tên gọi riêng. Tánh danh là tự bản (tự căn, chữ gốc). Bất tịnh danh là những phàm phu... tịnh danh, là học nhân (người học), chí cứu cánh danh, là sở duyên của pháp thông tướng. Lại lược nói mười thứ danh tự, là phan duyên của Bồ-tát, đó là pháp danh, là nhân... nhân danh, là ngã... Lại nữa, pháp danh là mười hai bộ ngôn giáo; nghĩa danh là nghĩa của mười hai bộ ngôn giáo; tổng danh là tất cả pháp hữu vi và vô vi, biệt danh là sắc, thọ... Và hư không, tánh danh là chữ A (阿字) làm tánh đầu tiên và sau cùng, bất tịnh danh là phàm phu, tịnh danh là những bậc kiến đế, chí cứu cánh danh là pháp thông tướng làm cảnh. Sở duyên của hai trí là xuất thế trí và hậu đắc trí kia duyên chân như của tất cả pháp và mọi thứ tướng của tất cả pháp. Như trong thập địa, thông tướng tất cả nghĩa duyên trí sở duyên. Những danh như vậy là cảnh giới của chư Bồ-tát.

**Luận nói:** Bồ-tát này nhập Duy thức như vậy, thì được nhập tướng nên biết, do nhập tướng nên biết liền được nhập hoan hỷ địa, khéo thông đạt pháp giới, được sinh vào nhà Như Lai, đắc tất cả tâm bình đẳng chúng sinh, đắc tất cả tâm bình đẳng Bồ-tát, đắc hết thấy tâm Phật

bình đẳng, đây tức là Bồ-tát đặc kiến đạo.

**Giải thích:** Được sinh vào nhà Như Lai, nghĩa là vì chủng tử Phật không đoạn. Đặc tất cả tâm bình đẳng của chúng sinh, là như tự thân muốn nhập Niết-bàn thì đối với tất cả chúng sinh cũng như thế, do tâm này cho nên gọi là tất cả tâm bình đẳng của chúng sinh. Đặc tất cả tâm bình đẳng của Bồ-tát, là do đồng đặc tịnh tâm sâu xa. Đặc tất cả tâm Phật bình đẳng, là do khi trụ vị này thì đặc Pháp thân của chư Phật, vì đặc Pháp thân cho nên liền đặc tất cả tâm Phật bình đẳng. Lại nữa, tất cả tâm bình đẳng của chúng sinh bình đẳng tâm, là đặc tự tha bình đẳng, như tự thân muốn diệt tận các khổ, thì đối với tha thân cũng vậy. Tất cả tâm bình đẳng của Bồ-tát, là đồng với chư Bồ-tát đặc tâm thanh tịnh sâu thẳm làm lợi ích cho chúng sinh. Đặc tất cả tâm Phật bình đẳng, là được thấy pháp giới của chư Phật với mình không có gì khác nhau.

**Luận nói:** Lại nữa, vì sao nhập Duy thức quán? Vì duyên pháp thông tướng, vì trí xuất thế Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Trí kia sau khi đặc thức trí mọi thứ tướng, diệt tất cả chủng tử nhân tướng của hữu nhân tướng thức A-lê-da, tăng trưởng đặc xúc pháp, vì chủng tử thân, vì chuyển y chỉ, vì xuất sinh tất cả Phật pháp, vì đặc trí của nhất thiết trí, cho nên nhập Duy thức quán.

**Giải thích:** Trí Xa-ma-tha tỳ-bát-xá-na, tức là Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na gọi là trí, trong đó có nhân tướng (因相). Diệt tất cả chủng tử nhân tướng của thức A-lê-da, là trong đó có tướng, tức là nhân duyên, là hết thấy chủng tử của tất cả nhiễm pháp trong thức A-lê-da. Lại nói tướng, là có ý hiển thị chủng tử này, để làm tướng sở duyên. Đã nói rồi như vậy, tức là được hiển thị nhân quả của các chủng tử này đều diệt hết.

**Luận nói:** Lại nữa, hậu đặc trí kia đã sinh của thức A-lê-da trong tánh tướng của tất cả thức. Vì do thấy như huyễn, tự nhiên không bị điên đảo nữa, cho nên cũng như huyễn sự trong huyễn sự. Bồ-tát trong các tướng bày nói nhân quả, trong mọi lúc cũng đặc vô đảo.

**Giải thích:** Nếu trí vô phân biệt diệt chướng ngại, xuất sinh Phật pháp, thì hậu đặc trí này còn dùng làm việc gì? Trí vô phân biệt thì không thể nói pháp nhân quả. Tại sao? Vì vô phân biệt, cho nên cần phải trí hậu đặc mới thuyết nhân quả pháp. Mọi lúc không điên đảo, là như huyễn sự đối với các huyễn sự. Tất cả do thức A-lê-da sinh, những thứ này đều là lấy thức A-lê-da làm nhân. Trong tánh tướng của tất cả thức, là vì lấy thức tánh làm nhân, như các huyễn sự, hậu đặc trí trong đó không nói điên đảo, cũng bất đảo.



**Luận nói:** Trong nhập Duy thức quán này, có bốn thứ Tam-ma-đề làm bốn thứ phần thông đạt y chỉ, làm sao thấy được? Vì do bốn thứ cầu nghĩa, nhãn vô trần ở hạ phẩm đặc minh Tam-ma-đề, làm nơi y chỉ của phần thông đạt, noãn, hạnh, hoặc nhãn tăng thượng tăng minh Tam-ma-đề, làm nơi y chỉ của phần thông đạt, đẳng, hạnh. Do bốn thứ trí như thật mà được nhập Duy thức, quyết định trần là vô sở hữu. Đây là nhập một phần nghĩa chân thật của Tam-ma-đề là chỗ y chỉ của thuận đế nhãn. Tam-ma-đề này tối hậu duy trừ thức tướng, là vô gián Tam-ma-đề chỗ y chỉ của thế đệ nhất pháp. Phải thấy các Tam-ma-đề này như vậy, phải biết đó là chánh vị biên.

**Giải thích:** Khi nhập chân thật nhất thiết xứ thì đặc phần thông đạt, nay trong đây cũng hiển thị thiện căn y chỉ phần thông đạt, là nhân của phần thông đạt cho nên nói là y chỉ. Nhãn vô trần ở Hạ phẩm đặc minh Tam-ma-đề, là trong vô trần mỏng ít dục lạc, hiển bày trí vô trần gọi là minh. Đặc minh Tam-ma-đề, là hiển thị chỗ y chỉ Tam-ma-đề của trí vô trần. Nhãn vô trần tăng thượng, trong đây nhãn trở lại là dục kia. Minh tăng Tam-ma-đề, là hiển thị trí vô trần gọi là minh, nói Tam-ma-đề, là hiển thị chỗ y chỉ của trí vô trần đó. Chỗ y chỉ của thuận đế nhãn, là pháp vô ngã gọi là đế, đối với vô ngã kia tùy thuận nhãn. Thuận đế nhãn này làm sao được thành? Vì quyết định không có vật riêng ngoài, chủ thể nắm giữ cũng không có, phải biết khi trụ tùy thuận nhãn lợi lạc mau chóng thì đặc dục lạc chánh vị biên, là khi chánh vị.

**Luận nói:** Như vậy Bồ-tát nhập địa, nhập Duy thức cho nên đặc kiến đạo. Làm sao để phát khởi tu đạo? Tùy theo điều thành lập mà nói thập địa. Tất cả Tu-đa-la nắm giữ pháp thông tướng của hiện trụ sự làm duyên. Xuất thế gian và trí hậu đặc Xa-ma-tha Tỳ-bát-xá-na, vô lượng bá thiên câu-chi na-do-tha kiếp luyện tập, vì chuyển y chỉ, đặc ba loại Phật thân, cho nên tu hành.

**Giải thích:** Tùy điều thành lập mà nói, là hoặc vì thành lập nên nói các địa trong kinh thập địa. Pháp thông tướng làm duyên, là nhất tướng duyên không phải cú biệt duyên. Xuất thế, là trí vô phân biệt. Hậu đặc trí kia, là trí thành lập, trí này cũng không thể nói là thế gian. Tại sao vậy? Vì không phải thế gian tích tập, cũng không phải một hưởng xuất thế gian, vì tùy thuận hạnh thế gian, không thể quyết định nói là nhất tướng. Chuyển y chỉ, là do thông đạt tướng này phan duyên trí mà được chuyển y. Vì đặc ba loại Phật thân, là khiến cho ta sẽ đặc ba loại Phật thân cho nên tu hành.

**Luận nói:** Thanh-văn nhập chánh vị, Bồ-tát nhập chánh vị, hai

ngôi vị này có gì khác nhau? Chánh vị của Thanh-văn có mười thứ sai biệt, phải biết là khác với chánh vị của Bồ-tát: 1. Sở duyên sai biệt, vì pháp Đại thừa làm duyên. 2. Trụ trì sai biệt, vì tư lương đại phước đức trí trụ trì. 3. Thông đạt sai biệt, vì thông đạt nhân vô ngã và pháp vô ngã. 4. Niết-bàn sai biệt, vì nắm giữ Niết-bàn vô trụ xứ. 5. Địa sai biệt, vì nương vào thập địa mà xuất ly. 6. Thanh tịnh sai biệt, vì phiền não đoạn và cõi Phật tịnh. 7. Được tâm tự thân bình đẳng với tất cả chúng sinh sai biệt, vì thành thực chúng sinh mà tu hành không ngơi nghỉ. 8. Sinh sai biệt, vì sinh vào nhà Như Lai. 9. Hóa hiện sai biệt, vì Phật tập luân thâm giữ sự hóa hiện mọi lúc. 10. Quả sai biệt, vì thập lực, vô úy, bất cộng Phật pháp... Vô lượng công đức quả thành tựu.

**Giải thích:** Niết-bàn sai biệt, là do Bồ-tát nắm giữ Niết-bàn vô trụ xứ, Thanh-văn thì không như thế. Thanh tịnh sai biệt, là do Bồ-tát diệt trừ phiền não và tập khí, gồm cả tịnh Phật độ, Thanh-văn thì không như thế.

**Luận nói:** Trong đây có kệ:

*Suy tầm danh và nghĩa  
Mỗi thứ làm khách nhau  
Suy tầm hai duy lượng  
Hai thi thiết cũng vậy  
Từ đây sinh thật tri  
Ba phân biệt vô nghĩa  
Nếu thấy kia chẳng hữu  
Liên nhập tam vô tánh.*

**Giải thích:** Như chân thật mà nhập, trong đây nói kệ: “Suy tầm danh và nghĩa, mỗi thứ làm khách nhau”, là danh đối với nghĩa làm khách, nghĩa đối với danh cũng làm khách, mỗi thứ đều có tướng riêng. Suy tầm, là phải thấy trong tĩnh tâm. “Suy tầm hai duy lượng, hai thi thiết cũng vậy”, là tự tánh nghĩa không có và sai biệt, tức là phải biết tự tánh chỉ là thi thiết (lập bày) và sai biệt cũng là thi thiết. “Từ đây sinh thật tri”, là ở trong đó mà biết như thật, do bốn loại tầm tư làm nhân cho nên đắc bốn loại như thật tri. “Thấy ba phân biệt vô nghĩa”, là thấy nghĩa không có ở trong ba loại phân biệt, là danh phân biệt, tự tánh phân biệt và sai biệt phân biệt. “Kia chẳng có, liền nhập tam vô tánh”, là nghĩa vô sở hữu, cho nên phân biệt cũng không. Tại sao vậy? Nếu nghĩa đối tượng phân biệt là có thì phân biệt có thể được duyên nghĩa kia mà sinh, nhưng do nghĩa kia không có cho nên phân biệt cũng không được có, phải biết nghĩa này. “Nhập tam”, là nhập tam tánh, trong đó do thấy

danh và nghĩa làm khách lẫn nhau, cho nên được nhập danh nghĩa, mỗi thứ đều khác với tánh phân biệt. Nếu thấy tự tánh danh thì thiết và sai biệt thì thiết thì chỉ thấy phân biệt, tức là được nhập tánh y tha, tức là thức chủ thể phân biệt này cũng không thấy, liền được nhập tánh thành tự, danh này nhập ba thứ.

**Luận nói:** Lại có kệ giáo thọ, như luận Quán Hạnh sai biệt nói:

*Bồ-tát trong tĩnh tâm  
Được thấy tâm ảnh đó  
Diệt trừ nơi nghĩa tướng  
Chỉ quán nơi tướng mình.  
Tâm như vậy trụ nội  
Biết sở thủ chẳng có  
Thì không có năng thủ  
Liền chứng vô sở hữu.*

**Giải thích:** Để khiến được nhập quán, cho nên lại nói kệ trao lời dạy bảo. “Bồ-tát thấy tâm ảnh”, là thấy tâm kia tự bóng pháp nghĩa chỉ là tự tâm. Người nào thấy? Là Bồ-tát. Thấy ở chỗ nào? Là trong tĩnh tâm. “Diệt trừ nơi nghĩa tướng, chỉ quán nơi tướng mình”, là nghĩa tướng trong tĩnh tâm không khởi, biết chỉ là tự tâm làm tướng pháp nghĩa hiển hiện. “Như vậy tâm trụ nội”, là nếu tâm như vậy mà được trụ trong nghĩa vô sở hữu, tức là tâm trụ trong tâm. “Biết sở thủ chẳng có”, là hiểu biết nghĩa đối tượng nắm giữ là vô sở hữu. “Thì không có chủ thể nắm giữ”, là do đối tượng nắm giữ nghĩa không có, thì tâm làm chủ thể nắm giữ cũng không thể được. “Chứng vô sở đắc”, là đã không có chủ thể và đối tượng nắm giữ, thì liền chứng chân như, vì chân như bất khả đắc.

**Luận nói:** Lại có kệ riêng nhập chánh vị, như trong luận Đại Thừa tuyền Trang nghiêm đã nói:

*Bồ-tát tròn đủ vô biên tế  
Tư lương của phước đức, trí huệ  
Trong pháp tư lương đã khéo quyết  
Biết rõ loại nghĩa sinh ý ngôn.  
Họ biết các nghĩa chỉ ý ngôn  
Liền trụ tự nghĩa chỉ trong tâm  
Chánh chứng pháp giới như vậy rồi  
Cho nên xa lìa hai loại tướng.  
Biết ngoài tâm không có gì khác  
Cho nên biết tâm cũng chẳng có  
Bậc trí biết rõ cả hai không*

*Liên trụ trong pháp giới vô nhị.  
 Trí là trí lực Vô phân biệt  
 Bình đẳng thuận hành thường trải khắp  
 Chỗ nương dày đặc khối tội ác  
 Như đại dà-dà giải các độc.  
 Mâu-ni giỏi nói các chánh pháp  
 An tâm có gốc trong pháp giới  
 Đã biết niệm hạnh duy phân biệt  
 Bạc trí mau đến bờ biển đức.*

**Giải thích:** Lại có kệ nhập chánh vị, như trong luận Tuyến trang nghiêm nói: Nếu có những điều cực kỳ khó biết, trong đó hiển thị là vô biên tế, là rất khó vượt qua bờ kia. Như nói “Vô biên”, là ngôn thuyết không phải không có biên, chỉ vì nhiều cho nên được gọi là vô biên, nghĩa vô biên này cũng như vậy. Cái gì làm “tư lương”? Là phước đức và trí huệ, trong đó thí... Ba-la-mật là tư lương phước đức, Bát-nhã Ba-la-mật gọi là tư lương trí huệ. Tinh tấn Ba-la-mật nếu trí huệ thì tinh tấn là tư lương trí huệ, nếu phước thì tinh tấn là tư lương phước. Như vậy thiền Ba-la-mật cũng có hai thứ, trong đó nếu duyên tứ vô lượng thiền thì gọi là tư lương phước, còn lại gọi là trí tư lương. Ai có những tư lương này? Là tư lương khéo quyết định trong pháp Bồ-tát, do nương vào hậu lực của Tam-ma-đề, tư lương các pháp được khéo quyết định không sót. “Rõ biết loại nghĩa sinh ý ngôn”, là biết rõ các nghĩa đều lấy ý ngôn làm nhân, tức là trụ trong “Tợ nghĩa chỉ có tâm”, là do biết các nghĩa kia chỉ có ý ngôn, tức là tự tâm này tợ nghĩa mà hiện. “Chánh chứng pháp giới như vậy rồi, cho nên xa lìa hai loại tướng”, là biết tợ nghĩa tự tâm mà đã hiện, thì trong chân như lìa chủ thể nắm giữ và đối tượng nắm giữ mà được chứng. Lại nữa, như điều nhập chứng, bây giờ sẽ hiển thị, “vì biết ngoài tâm không có cái gì khác, cho nên biết tâm cũng chẳng có”, nghĩa là lìa tâm ra thì không có nghĩa để phan duyên, vì nghĩa kia không có, thì tâm năng duyên cũng không có. “Bồ-tát biết hai thứ này không có, liên trụ trong pháp giới vô nhị”, nghĩa là lìa tâm và nghĩa. “Trí lực Vô phân biệt”, nghĩa là lìa trí lực phân biệt. “Bình đẳng thuận hành”, là thuận hành trong bình đẳng, thấy tất cả các pháp của Tu-đa-la bình đẳng cũng như hư không. “Trải khắp”, là trong các pháp hoặc nội hoặc ngoại đều thấy như vậy. “Thường” là mọi lúc. “Chỗ nương dày đặc khối tội ác”, là nhân của các pháp nhiễm này gọi là dày đặc, vì khó có thể quán sát hiểu biết. “Khối tội ác”, tức là pháp nhiễm huân tập làm thể. “Mâu-ni khéo nói các chánh pháp, an tâm có gốc trong pháp giới”,

là đem ý an trụ trong tâm có gốc. Nếu tâm phan duyên chân như kia, thì đây là tâm có căn cơ, là duyên chánh thuyết của Như Lai, đầy đủ không thiếu, tổng làm một tướng, phải biết đây tức là trí vô phân biệt. “Đã biết niệm hạnh duy phân biệt”, nghĩa là trụ hữu căn cơ tâm này rồi, vì muốn chánh thuyết, chỗ ức niệm nghĩa trong trí hậu đắc kia, cũng biết hạnh ức niệm này duy là phân biệt. Do trí vô phân biệt này và hai loại trí hậu đắc mà chư Bồ-tát mau chóng đến Phật quả bờ kia.

Những bài kệ này tổng tập hợp nghĩa, là bài kệ thứ nhất thuyết minh tứ lương đạo, nghĩa của bài kệ thứ hai thuyết minh phương tiện đạo, nghĩa của bài kệ thứ ba thuyết minh hậu kiến đạo, nghĩa của bài kệ thứ tư thuyết minh tu đạo, nghĩa của bài kệ thứ năm thuyết minh cứu cánh đạo. Đây là giải thích nên biết nhập tướng đã nói xong.

